

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 5 - 2023

V/v “*TrA chấp về việc nam nữ chung sống
với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn*”.

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trãi, bà Võ Thị Thúy Đoan.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm A Dũng – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc: “*TrA chấp về việc nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thùy T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu vực T A, phường T, quận Ô, TP. C.

(Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu vực T A, phường T, quận Ô, TP. C.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thùy T trình bày: Qua thời gian tìm hiểu, vào năm 2009, bà Trần Thùy T và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn, cả hai cùng sinh sống tại Khu vực T A, phường T, quận Ô, TP. C. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2012, thì phát sinh mâu thuẫn do ông H ghen tuông vô cớ, thường xuyên dùng lời lẽ thô tục, xúc phạm bà T. Mặc dù, đã cố gắng khuyên nhủ nhưng không có kết quả, ông H không thay đổi, nên cả hai không còn chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông H. Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A (nữ), sinh ngày 12/10/2010. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, nhưng bị đơn Nguyễn Văn H vắng mặt không lý do. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử công khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật mà các bên trA chấp: Bà Trần Thùy T và ông Nguyễn Văn H, tự nguyện tiến tới hôn nhân, nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay, các đương sự phát sinh trA chấp, bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông H, nên xác định mối quan hệ pháp luật trA chấp giữa các đương sự là “*TrA chấp về việc nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn*”, quan hệ trA chấp này thuộc sự điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do bị đơn có nơi cư trú tại quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn theo Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập đối với ông H, nhưng ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H theo định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thùy T và ông Nguyễn Văn H đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2009, nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định, đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2018 thì không còn chung sống, nên xác định mối quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Quá trình chung sống, giữa bà T và ông H phát sinh mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Toà án triệu tập nhiều lần, nhưng ông H đều vắng mặt không lý do, cũng như không có văn bản gửi đến Toà án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của và T. Chứng tỏ A H không có thiện chí. Nên, yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về vấn đề con chung: Bà T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Ngọc A (nữ) sinh ngày 12/10/2010, đến tuổi trưởng thành. Hiện nay, cháu A đang sinh sống cùng với bà T, bản thân cháu A có nguyện vọng được sinh sống cùng với mẹ là bà T. Để tạo điều kiện cho cháu A được gần gũi và chăm sóc của mẹ, cũng như có sự ổn định về mặt chỗ ở, học tập để phát triển toàn diện. Nên, giao cháu A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Bà T không yêu cầu A H cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của đương sự, nên ghi nhận.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông H không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của của chung, các đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng và thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Do ông H vắng mặt không lý do, nên không ghi nhận được ý kiến của ông H về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên tách thành vụ án khác để giải quyết, nếu sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp hoặc có yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 7 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng: Các Điều 14; Điều, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thùy T đối với ông Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thùy T với ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Ngọc A (nữ) sinh ngày 12/10/2010 đến tuổi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông H, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung và nợ chung: Tách thành vụ án khác để giải quyết, nếu sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp hoặc có yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Thùy T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0003824 ngày 08/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ, thành tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thùy T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận Ô Môn;
- Chi cục THADS quận Ô Môn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quốc Kiệt